

Số: 193 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (viết tắt là Nghị quyết số 198/2025/QH15), Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (viết tắt là Nghị định số 20/2026/NĐ-CP).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực để thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch; hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức thực hiện chính sách; bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy định, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, đối tượng và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; gắn trách nhiệm với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện từng nhiệm vụ, nội dung của Kế hoạch.

- Việc triển khai các nhiệm vụ phải bảo đảm đúng tiến độ theo lộ trình đề ra; chủ động bố trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tiếp nhận, giải quyết và quản lý các nội dung hỗ trợ; ưu tiên thực hiện hỗ trợ theo phương thức điện tử; đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính, hạn chế tối đa việc phát sinh thủ tục, giấy tờ không cần thiết, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả triển khai Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh; kịp thời đề xuất giải pháp, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Nhằm triển khai kịp thời, đồng bộ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan theo chức năng, lĩnh vực, địa bàn phụ trách thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ và thống nhất các nội dung của Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP đến cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên địa bàn

tính; thể hiện rõ các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quyền, nghĩa vụ liên quan.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách thông qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các chương trình làm việc với doanh nghiệp; đăng tải, xây dựng chuyên mục tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, nền tảng ứng dụng Đồng Nai Chuyển đổi số, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Công khai, minh bạch và cập nhật đầy đủ thông tin về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, cơ quan tiếp nhận và thời gian giải quyết các chính sách hỗ trợ theo quy định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, nền tảng ứng dụng Đồng Nai Chuyển đổi số, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương; bảo đảm thuận tiện cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện.

2. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng đất tại khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ; hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ; hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh với nội dung như sau:

2.1. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng quỹ đất tại khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15

- *Đối tượng thụ hưởng*: Chủ đầu tư hạ tầng (khu công nghiệp; vườn ươm công nghệ), doanh nghiệp thuê đất (doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân; doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

- *Chính sách và điều kiện*: Ủy ban nhân dân tỉnh công bố công khai tiêu chí hỗ trợ và quỹ đất dành riêng cho các đối tượng ưu tiên. Hình thức, trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp khu công nghiệp được phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn thì diện tích đất khu công nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 được xác định theo từng giai đoạn. Sau thời hạn 02 năm kể từ ngày hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng của từng giai đoạn mà không có doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại thì chủ đầu

tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê, thuê lại.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh.

2.2. Hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15

- *Đối tượng thụ hưởng:* Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ; các doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (bao gồm: doanh nghiệp công nghệ cao thuộc loại hình kinh tế tư nhân; doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Hình thức hoàn trả: Thanh toán bù trừ vào số tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp trong năm đối với trường hợp chủ đầu tư trả tiền thuê đất hàng năm và chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất. Trường hợp khoản giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp lớn hơn thuê số tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp trong năm thì chủ đầu tư được hoàn trả từ nguồn ngân sách nhà nước đối với khoản chênh lệch này; hoàn trả từ ngân sách nhà nước đối với trường hợp chủ đầu tư đã nộp đủ tiền thuê đất hoặc được Nhà nước miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê.

+ Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương và địa phương tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền thuê đất giữa các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Sở Tài chính.

2.3. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ).

- *Chính sách và điều kiện hỗ trợ:*

+ Được cho thuê nhà theo phương thức niêm yết giá theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

+ Được giảm tiền thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).

+ Được giảm tiền thuê nhà theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Sở Tài chính.

- *Nhiệm vụ cụ thể:* Sở Tài chính căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), các khoản 1, 2, 3 và 4 tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và tình hình thực tế đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các khoản 1, 2, 3 và 4 tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

3. Về ưu đãi về thuế

Thuế tỉnh Đồng Nai chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế, cụ thể:

3.1. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

- *Đối tượng thụ hưởng:* (1) Công ty quản lý Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có thu nhập từ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; (2) Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (3) Doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Doanh nghiệp thuộc đối tượng thụ hưởng (1) mục 3.1 nêu trên được miễn thuế hoặc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn (tính từ năm có thu nhập chịu thuế hoặc năm thứ 4 có doanh thu).

+ Doanh nghiệp thuộc đối tượng thụ hưởng (2) mục 3.1 nêu trên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

+ Doanh nghiệp thuộc đối tượng thụ hưởng (3) nêu trên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế tỉnh Đồng Nai.

3.2. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

- *Đối tượng thụ hưởng:* (1) Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; (2) Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học có thu nhập từ tiền lương, tiền công nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng (1) mục 3.2 nêu trên được miễn thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

+ Cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng (2) mục 3.2 nêu trên được miễn thuế trong thời hạn 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương hoặc tiền công.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với: (i) Khoản chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi; (ii) Khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và được tính bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này tại doanh nghiệp.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế tỉnh Đồng Nai; Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Hỗ trợ cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh.

- *Chính sách và điều kiện:* Nhà nước cung cấp miễn phí nền tảng số tích hợp các giải pháp chuyển đổi số, trong đó có phần mềm kế toán có tính năng

tích hợp được với phần mềm hóa đơn điện tử và dịch vụ chữ ký số mà doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh sử dụng.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế tỉnh Đồng Nai, Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Hỗ trợ miễn phí dịch vụ đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nhỏ; doanh nghiệp siêu nhỏ; hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh.

- *Chính sách và điều kiện:* Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tổng chi phí khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (bao gồm cả kế toán, thuế, nhân sự). Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Sở Tài chính.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Đính kèm Phụ lục (Danh mục nhiệm vụ cụ thể triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách hằng năm cho các sở, ban ngành và bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Theo dõi, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm theo quy định; tổng hợp chung trong báo cáo tình hình triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và tình hình triển khai Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị có liên quan

- Căn cứ khả năng cân đối của địa phương, Ủy ban nhân dân xã, phường trình Hội đồng nhân dân xã, phường phân bổ dự toán ngân sách địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân hàng năm trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo chức năng, nhiệm vụ và phân cấp; đề xuất bố trí ngân sách, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý việc thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP theo quy định của pháp luật.

- Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này bảo đảm chất lượng và tiến độ được giao, định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

3. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, Liên đoàn doanh nghiệp tỉnh, các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo Kế hoạch.

- Phối hợp huy động các nguồn lực thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo các nội dung tại Kế hoạch này.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Cung cấp thông tin tài liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đề nghị các cơ quan,

đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn giải quyết. / *Manh*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Liên đoàn doanh nghiệp tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, TM và DL;
- Lưu: VT, KGVX, TH, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Long
Nguyễn Kim Long

Phụ lục

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2026/NĐ-CP NGÀY 15/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 193 /KH-UBND ngày 15/4 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm/ Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I/2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
2	Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.	Tài liệu, chuyên mục thông tin điện tử, hội nghị	Quý I/2026 và thường xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
3	Rà soát, công khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân	Danh mục chính sách, hướng dẫn thực hiện trên công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, nền tảng ứng dụng Đồng Nai Chuyên đổi số,	Quý I/2026 và thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan

		trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương				Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
4	Triển khai các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh	Quý I/2026 và thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan	
5	Xây dựng, triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 và giai đoạn 2026-2028	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I/2026 và thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan	
6	Triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp và tổ chức sự kiện năm 2026	Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh	Quý I/2026 và thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch)	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan	
7	Rà soát, xác định diện tích quỹ đất từng khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ và tham mưu UBND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư, nội dung hỗ trợ theo khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Điều 4 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Báo cáo, danh mục sơ đồ vị trí đủ điều kiện	Quý II/2026 và thường xuyên	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan	
8	Rà soát, xác định đối tượng đủ điều kiện hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất của từng	Báo cáo, danh sách chủ đầu tư,	Quý II/2026 và thường	Ban Quản lý các Khu công nghiệp,	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các	

	Khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và khoản 2, 3 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	doanh nghiệp đủ điều kiện	xuyên	Khu kinh tế tỉnh	xã, phường và các đơn vị có liên quan
9	Rà soát, xác định đối tượng đủ điều kiện hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất của từng cụm công nghiệp theo khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và khoản 2, 3 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Báo cáo, danh sách chủ đầu tư, doanh nghiệp đủ điều kiện	Quý II/2026 và thường xuyên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
10	Tham mưu UBND tỉnh thực hiện hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Quyết định của UBND tỉnh; hướng dẫn, hồ sơ thủ tục	Quý II/2026 và thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
11	Triển khai các chính sách hỗ trợ, ưu đãi về thuế theo Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Văn bản hướng dẫn; kết quả giải quyết hồ sơ thuế	Quý II/2026	Thuế tỉnh Đồng Nai	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
12	Triển khai cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo Điều 10 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung	Quý II/2026 và thường xuyên	Chủ trì: Thuế tỉnh Đồng Nai; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
13	Tham mưu UBND tỉnh quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định của	Quý III/2026	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các

	Kinh doanh theo Điều 10 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP		Khoa học và Công nghệ	đơn vị có liên quan
14	Tham mưu UBND tỉnh quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2026	Sở Tài chính Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
15	Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Báo cáo 6 tháng, hàng năm	Định kỳ	Sở Tài chính Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
16	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách	Kết luận kiểm tra, giám sát.	Hàng năm	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan
17	Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị giải pháp giải quyết	Báo cáo, kiến nghị	Thường xuyên	Sở Tài chính Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan